

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VINH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/2022/NQ-HĐND

Vinh Long, ngày 14 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương; cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình, dự án; cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VINH LONG
KHOA X, KỶ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu công ngày 16 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 245/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương; cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình, dự án; cơ chế huy

động các nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương; cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình, dự án; cơ chế huy động các nguồn lực và nội dung hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 12 năm 2022. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Trang tin VP.Đoàn ĐBQH&HĐND;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Nghiêm

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương; cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình, dự án; cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương; cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình, dự án; cơ chế huy động các nguồn lực để thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình trên địa bàn các xã, ấp thuộc vùng dân tộc thiểu số; là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành tỉnh; các huyện Trà Ôn, Tam Bình, thị xã Bình Minh và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là sở, ban, ngành và địa phương). Ưu tiên tập trung đầu tư tại các địa bàn xã khu vực III và ấp đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III.

2. Cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình trong giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ thực hiện Chương trình

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn 2022 - 2025 nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; bảo đảm không vượt quá tổng

mức vốn đầu tư, vốn sự nghiệp và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2022 - 2025, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn trước nhưng chưa đủ nguồn lực thực hiện đã được tích hợp tại nội dung Chương trình; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, ấp khó khăn nhất, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo người dân tộc thiểu số; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu; phân bổ vốn đầu tư Chương trình tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

4. Ưu tiên bố trí ngân sách trung ương đầu tư các công trình giao thông cho các xã chưa có đường giao thông kết nối (hệ thống cầu, đường giao thông) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh cho các xã Khu vực III và ấp đặc biệt khó khăn; đầu tư Trường dân tộc nội trú cho vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

5. Việc phân bổ vốn phải đáp ứng nhu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; tăng cường phân cấp cho cơ sở để tạo sự chủ động, linh hoạt cho các địa phương, các cấp, các ngành trong triển khai, thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế từng địa phương theo quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, dễ thực hiện.

6. Phân bổ kế hoạch vốn hằng năm cho các sở, ngành và địa phương thực hiện Chương trình theo kết quả giải ngân của năm trước năm kế hoạch; ưu tiên phân bổ cho các địa phương, các dự án, tiểu dự án, nội dung của Chương trình bảo đảm tiến độ giải ngân.

7. Phân bổ vốn của Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

8. Tổng nguồn vốn ngân sách trung ương trung hạn và hằng năm để thực hiện Chương trình phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh và địa phương theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn về nội dung này.

9. Các cơ quan cấp tỉnh và các địa phương tham gia thực hiện Chương trình căn cứ kế hoạch vốn ngân sách trung ương được giao xây dựng kế hoạch thực hiện, xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương gửi Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài

chính theo quy định.

10. Nguồn vốn phân bổ hằng năm của Chương trình phải phù hợp với kế hoạch trung hạn được cấp có thẩm quyền thông qua và khả năng cân đối ngân sách hằng năm; ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành các Chương trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm trước sang năm sau; ưu tiên các địa phương giải ngân nhanh để tạo điều kiện sớm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

Điều 4. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình

1. Phương pháp tính:

Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách trung ương (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho từng sở, ban, ngành tỉnh và các địa phương thực hiện Chương trình được quy định chi tiết theo tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong tiêu chí phân bổ vốn dự án, tiểu dự án, nội dung của quy định này.

Tổng số vốn phân bổ cho huyện, thị xã thứ k (T_k) được tổng hợp từ vốn phân bổ của các dự án, tiểu dự án thành phần thứ i ($V_{k,i}$) của huyện, thị xã đó:

$$T_k = \sum_{i=1}^n V_{k,i}$$

Trong đó:

- i là dự án, tiểu dự án thứ i

($i=1,n$)

- k là huyện, thị xã thứ k

($k=1,3$) (huyện Trà Ôn, huyện Tam Bình và thị xã Bình Minh).

Phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ của huyện, thị xã (k) theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần (i):

$$V_{k,i} = Q_i \cdot X_{k,i}$$

Trong đó:

- $V_{k,i}$: Vốn phân bổ dự án, tiểu dự án thứ i cho huyện, thị xã thứ k .

- $X_{k,i}$: Số điểm dự án, tiểu dự án thứ i của huyện, thị xã thứ k .

- Q_i : Vốn định mức cho 01 điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án i

$$Q_i = \frac{G_i}{\sum_{k=1}^n X_{k,i}}$$

G_i : Vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho dự án, tiểu dự án thứ i .



2. Tiêu chí, định mức phân bổ:

a) Dự án 1: Giải quyết tình trạng đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

- Phân bổ vốn đầu tư:

+ Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.

+ Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất ở	0,4	a	$0,4 \times a$
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	b	$0,4 \times b$
	Tổng cộng			$X_{k,i}$

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của địa phương, được tổng hợp trong kế hoạch thực hiện chương trình.

- Phân bổ vốn sự nghiệp:

+ Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.

+ Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề	0,1	a	$0,1 \times a$
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	b	$0,03 \times b$
	Tổng cộng			$X_{k,i}$

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong kế hoạch thực hiện chương trình.

b) Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phân bổ vốn đầu tư: Không

- Phân bổ vốn sự nghiệp: phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Phân bổ vốn cho các sở, ban ngành tỉnh: không

+ Phân bổ vốn cho các địa phương thực hiện một số nội dung: Áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí như sau:

• Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), ấp đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III.

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	28	a	28 x a
2	Mỗi ấp ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số ấp ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 ấp/xã)	5	b	5 x b
Tổng cộng điểm				A_{k,i}

• Nhóm tiêu chí ưu tiên đối với xã ĐBKK hơn: Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	a	0,15 x a
Tổng cộng điểm				B_{k,i}

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 861/QĐ-TTg) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); ấp ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 612/QĐ-UBND) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân

định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây gọi tắt là DTTS&MN) giai đoạn 2021 - 2025.

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của địa phương thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

c) Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc.

Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phân bổ vốn đầu tư:

+ Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không

+ Phân bổ vốn cho các địa phương cả giai đoạn 2022-2025: Áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí như sau:

• Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK và ấp ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK	100	a	$100 \times a$
2	Mỗi ấp ĐBKK không thuộc xã khu vực III	15	b	$15 \times b$
3	Cứ 1 km cứng hóa đường liên ấp, nội ấp chưa được cứng hóa	16	c	$16 \times c$
4	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 chợ vùng dân tộc thiểu số.	8	d	$8 \times d$
5	Mỗi công trình cầu giao thông kết nối các xã ĐBKK, ấp ĐBKK	500	e	$500 \times e$
	Tổng cộng điểm			$A_{k,i}$

• Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	a	$0,3 \times a$
	Tổng cộng điểm			$B_{k,i}$

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết

định sửa đổi, bổ sung (nếu có); ấp ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025; Số liệu chợ; trạm y tế; số km cứng hóa đường liên ấp, nội ấp chưa được cứng hóa; công trình cầu giao thông kết nối cho các xã khu vực III, ấp ĐBKK căn cứ số liệu báo cáo tình hình thực tế của địa phương.

- Phân bổ vốn sự nghiệp:

+ Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.

+ Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	9	a	9 x a
2	Mỗi ấp ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số ấp ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 ấp/xã ngoài khu vực III)	1,8	b	1,8 x b
3	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế xây mới và cải tạo	2,5	c	2,5 x c
	Tổng cộng điểm	-	-	A_{k,i}

- Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,03	a	0,03 x a
	Tổng cộng điểm			B_{k,i}

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); ấp ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng DTTS&MN

giai đoạn 2021 - 2025. Hỗ trợ trang thiết bị cho Trạm Y tế xây mới và cải tạo, căn cứ số liệu trong kế hoạch thực hiện Chương trình.

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của địa phương thứ K được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

d) Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phân bổ vốn đầu tư:

+ Phân bổ cho các sở, ban, ngành tỉnh: Phân bổ tập trung 100% vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh để chủ trì phối hợp với sở, ngành tỉnh và các địa phương triển khai thực hiện.

+ Phân bổ cho các địa phương: Không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp: Phân bổ 100% vốn cho Sở Giáo dục - Đào tạo để phối hợp với sở, ngành tỉnh và các địa phương triển khai thực hiện.

Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Nội dung 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc:

- Phân bổ vốn đầu tư: Không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp: Phân bổ 100% vốn cho Ban Dân tộc tỉnh để phối hợp với sở, ngành tỉnh và các địa phương triển khai thực hiện.

Tiểu dự án 3: Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số.

- Phân bổ vốn đầu tư: Không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp: Phân bổ 50% vốn cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội và 50% vốn cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp với sở, ngành tỉnh và các địa phương triển khai thực hiện.

Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

- Phân bổ vốn đầu tư: Không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp: Phân bổ 100% vốn cho Ban Dân tộc tỉnh để phối hợp với sở, ngành tỉnh và các địa phương triển khai thực hiện.

e) Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

- Phân bổ vốn đầu tư: Không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp: Phân bổ 100% vốn cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để phối hợp với sở, ngành tỉnh và các địa phương triển khai thực hiện.

g) Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

- Phân bổ vốn đầu tư: Không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp: Phân bổ 100% vốn cho Sở Y tế để phối hợp với sở, ngành tỉnh và các địa phương triển khai thực hiện.

h) Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.

- Phân bổ vốn đầu tư: Không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp: Phân bổ 100% vốn cho Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh để phối hợp với sở, ngành tỉnh và các địa phương triển khai thực hiện.

i) Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình.

Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

- Phân bổ vốn đầu tư: Không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp: Phân bổ 100% vốn cho Ban Dân tộc tỉnh để phối hợp với sở, ngành tỉnh và các địa phương triển khai thực hiện.

Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030.

- Phân bổ vốn đầu tư: Không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp: Phân bổ 100% vốn cho Sở Thông tin và Truyền thông để phối hợp với sở, ngành tỉnh và các địa phương triển khai thực hiện.

Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

- Phân bổ vốn đầu tư: Không.



- Phân bổ vốn sự nghiệp:

+ Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Phân bổ 40% vốn cho Ban Dân tộc phối hợp với sở, ngành tỉnh và các địa phương triển khai thực hiện.

+ Phân bổ vốn cho các địa phương: Phân bổ 60% vốn cho các địa phương thực hiện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b
	Tổng cộng	-	-	X_{k,i}

Xã khu vực I, III (a, b) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 5. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

Căn cứ vào ngân sách Trung ương phân bổ, ngân sách địa phương (theo phân cấp ngân sách) bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho cả giai đoạn 2021-2025.

Điều 6. Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh

1. Nguyên tắc lồng ghép, nội dung lồng ghép và quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán các nguồn vốn được lồng ghép để thực hiện Chương trình thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Các nguồn vốn thực hiện lồng ghép:

a) Ngân sách trung ương: Ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025; nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, vốn ODA.

b) Ngân sách địa phương: Ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã thực hiện đầu tư trên địa bàn cấp huyện, cấp xã nhằm đạt các mục tiêu

và tiêu chí xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Nguồn vốn tín dụng.

d) Nguồn vốn hợp pháp khác: Vốn huy động từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; đóng góp (bằng tiền hoặc hiện vật) của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; đóng góp tự nguyện (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 7. Cơ chế huy động các nguồn lực khác (vốn tín dụng và vốn hợp pháp khác)

Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 11, Điều 12 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

